

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2024/LĐ-PT

Ngày: 23/12/2024

V/v Tranh chấp về trường hợp bị
đơn phương chấm dứt hợp đồng
lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: Bà Doãn Thị Kim Thúy

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Tâm Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Bá Thu Thư - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 77/2024/TLPT-LĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 1029/2024/LĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5702/2024/QĐPT-LĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 17013/2024/QĐPT-LĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Vương Thị Tố T**, sinh năm 1970; Địa chỉ liên lạc: số A T, Phường A, Quận E, Thành phố H. (có mặt)

- **Bị đơn:** **Công ty Cổ phần I**. Trụ sở: số B đường D, khu phức hợp S, Phường V, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình T1**; Địa chỉ: C N, phường T, Quận A, Thành phố H. (Theo giấy ủy quyền số 01/2024/GUQ-I ngày 31/01/2024 của Tổng giám đốc Công ty I). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

- Bà **Nguyễn Thị P**, Chức vụ: Chuyên viên nhân sự I, hiện đã nghỉ việc; Địa chỉ: số D đại lộ H, phường B, thành phố T, tỉnh B. (vắng mặt);

- Ông **Lê Ngọc H**, Chức vụ: Quản lý dự án I; Địa chỉ: Khu E, xã L, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt);

- Ông **Ngô Chí H1**, Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật I; Địa chỉ: số F đường Đ, xã P, huyện N, Thành phố H.

- *Người kháng cáo: Công ty Cổ phần I, là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Vương Thị Tố T và bị đơn Công ty Cổ phần I ký Hợp đồng lao động số 017/Hợp đồng lao động VS-I-2022 ngày 14/11/2022, thời hạn từ ngày 14/11/2022 đến ngày 13/11/2023, thử việc từ 14/11/2022 đến ngày 19/11/2022, với công việc nhân viên vệ sinh, mức lương cơ bản là 5.500.000 đồng, khoản hỗ trợ mỗi tháng 1.000.000 đồng bao gồm tiền xăng xe 400.000 đồng, tiền gửi xe 600.000 đồng.

Ngày 27/3/2023, bị đơn ban hành Quyết định số 0103/QĐCDHĐLĐ-I-2023 về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động với nguyên đơn, bắt đầu từ ngày 31/3/2023, với lý do nguyên đơn tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên theo quy định tại điểm e Điều 36 của Bộ luật Lao động.

Nguyên đơn bà Vương Thị Tố T trình bày: Ngày 20/02/2023, bà có trực tiếp gặp Quản lý dự án là ông H để xin nghỉ khám bệnh đau chân và ông H đồng ý. Ngày 21/02/2023, sau khi đến khám tại bệnh viện N, bà có giấy xác nhận của bác sĩ cho nghỉ ngày 21/02/2023. Ngày 23/02/2023, bà về Công ty để gặp Ban giám đốc, xin nghỉ một thời gian để điều trị chân nhưng không gặp ai. Bà đã điện thoại cho bà P phòng nhân sự thì được hướng dẫn là cứ nghỉ, bà P sẽ báo Ban giám đốc. Đến ngày 30/02/2023, bà P gọi điện báo rằng Công ty mời bà lên làm việc online với Ban giám đốc vào ngày 01/3/2023, tại khu công nghiệp L, tỉnh Đ. Tại buổi làm việc, bà T bày tình trạng sức khỏe, xin được nghỉ để điều trị, khi nào xong sẽ làm việc lại và sẽ cung cấp giấy tờ. Ngày 24/3/2023, sau khi nằm viện điều trị khỏi chân, bà quay trở về Công ty, nộp đủ giấy tờ của Bệnh viện và báo cho Công ty rằng bà quay trở lại làm việc. Bà P và ông H bảo bà về nhà chờ thông báo của Ban giám đốc. Ngày 27/3/2023, bà P thông báo buổi chiều ngày 27/3/2023 họp online và Công ty đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động từ ngày 31/3/2023. Bà cho rằng mình có xin nghỉ, có xác nhận của bệnh viện N nên không tự ý bỏ việc. Vì vậy, bị đơn đã chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật. Ngày 22/9/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền tổng cộng là 60.648.000 đồng, theo mức lương 5.500.000 đồng, bao gồm:

- Tiền lương 8 tháng còn lại của hợp đồng từ tháng 4/2023 đến tháng 11/2023 là 44.000.000 đồng;

- Đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH): $21.5\% \times 8$ tháng là 9.460.000 đồng;
- Lương 8 ngày phép năm 2023 là 1.688.000 đồng;
- Tiền không báo trước 30 ngày là 01 tháng lương.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải thanh toán tiền lương 08 tháng còn lại của Hợp đồng lao động cộng với khoản tiền bằng 02 tháng tiền lương theo mức lương 5.500.000 đồng; buộc bị đơn truy đóng BHXH, BHYT; rút yêu cầu thanh toán tiền 08 ngày phép, 30 ngày báo trước.

Bị đơn Công ty Cổ phần I có ông Nguyễn Đình T1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Trong quá trình làm việc, nguyên đơn đã nghỉ như sau: Các ngày nghỉ có chỉ định của bác sĩ bao gồm: 21 và 27/02/2023, 08/3/2023 đến ngày 21/3/2023, 22 và 23/3/2023. Bị đơn đã giải quyết chế độ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Các ngày nghỉ không xin phép bao gồm: Từ ngày 22/02/2023 đến ngày 26/02/2023 (nghỉ 04 ngày làm việc liên tục 22, 23, 24, 25/02/2023; từ ngày 28/02/2023 đến 07/3/2023 (nghỉ 06 ngày làm việc liên tục là 01, 02, 03, 04, 06, 07/3/2023). Theo quy định tại điểm 3 khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động 2019, nguyên đơn tự ý bỏ việc không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên nên bị đơn đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Những người làm chứng gồm:

- Bà Nguyễn Thị P trình bày tại văn bản ngày 12/4/2024: Bà là chuyên viên nhân sự của Công ty. Tháng 01/2023, bà nhận được thông tin từ ông Lê Ngọc H - giám sát dự án về việc nguyên đơn nhiều lần không đến làm việc tại Văn phòng dự án N, không xin phép và không bổ sung đủ giấy tờ chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH, cụ thể từ ngày 09/01/2023 đến ngày 19/01/2023, bà T chỉ cung cấp được giấy xác nhận nghỉ việc ba ngày 09/01/2023, 10/01/2023, 16/01/2023. Do vi phạm lần đầu và thấu hiểu khó khăn về sức khỏe của bà T nên Công ty không xử lý. Từ ngày 21/02/2023 đến ngày 27/03/2023, nguyên đơn tiếp tục nghỉ mà không thông báo với giám sát dự án. Bà đã nhiều lần liên hệ với nguyên đơn (gọi điện thoại, gửi tin nhắn) để yêu cầu cung cấp giấy tờ nhưng nguyên đơn không hợp tác. Ngày 01/3/2023, Công ty có tổ chức phiên họp trực tuyến, có mặt ông P1 Tổng giám đốc là ông Võ Hoàng Phan H2, giám sát dự án là ông Lê Ngọc H và bà cùng với nguyên đơn. Tại phiên họp, Công ty đã tạo cơ hội cho nguyên đơn trình bày các vấn đề đang gặp phải và đề nghị cung cấp hồ sơ điều trị bệnh. Kết thúc cuộc họp, nguyên đơn cam kết cung cấp đủ các giấy nghỉ của Bệnh viện. Sau nhiều lần làm việc và trao đổi, nguyên đơn đã gửi về Công ty các giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH có xác nhận của bác sĩ, cụ thể giống như bị đơn đã trình bày.

- Ông Lê Ngọc H trình bày tại văn bản ngày 12/4/2024: Ngày 07/01/2023, ông có nhận được thông báo miệng của nguyên đơn về việc xin nghỉ chữa bệnh, không nói rõ bao nhiêu ngày. Nguyên đơn nghỉ liên tục từ ngày 09/01/2023 đến ngày 19/01/2023. Sau khi đi làm, nguyên đơn chỉ cung cấp được giấy chứng nhận

nghi bệnh có xác nhận của bác sĩ các ngày 09/01/2023, 10/01/2023, 16/01/2023. Ông đã gửi các giấy chứng nhận này về Công ty và làm thủ tục giải quyết chế độ ốm đau. Tháng 02/2023, nguyên đơn nghỉ liên tục từ 21/02/2023 đến ngày 27/03/2023 mà không thông báo cho ông. Ông đã ghi nhận sự việc và báo về Công ty. Ngày 01/3/2023, ông có tham gia cuộc họp trực tuyến cùng ông P1 Tổng giám đốc điều hành và chuyên viên nhân sự. Nội dung cuộc họp để giải quyết vấn đề xin nghỉ của nguyên đơn và nguyên đơn cam kết bổ sung hồ sơ nghỉ phép chữa bệnh. Ngày 27/3/2023, Phòng Hành chính nhân sự gửi cho ông Biên bản ghi nhận số ngày nghỉ thực tế của nguyên đơn và giấy nghỉ bệnh có xác nhận của bác sĩ. Tại biên bản này, nguyên đơn đồng ý nội dung biên bản nhưng không đồng ý ký tên có ông Ngô Chí H1 là nhân viên kỹ thuật của Công ty chứng kiến.

- Ông Ngô Chí H1 trình bày tại văn bản ngày 12/4/2024 như sau: Ngày 27/3/2023, ông Lê Ngọc H có yêu cầu ông tham gia buổi làm việc với tư cách là người làm chứng, liên quan đến xác nhận số ngày nghỉ của bà Vương Thị Tố T. Tại buổi làm việc có ông H, bà T. Ông xác nhận là bà T đã đồng ý với những nội dung Công ty đề cập nhưng không đồng ý ký tên vào Biên bản.

Bản án lao động sơ thẩm số 1029/2024/LĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 85, 86, 92, 147, 157, 217, 229, 235, 266, 269, 271, 272, 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; các Điều 85, 134, 135, 137, 138, 140, 141, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 20, 24, 25, 27, 36, 41, 90, 188, 190, 219 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội; Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền tổng cộng là 55.000.000 đồng. Trả làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải thanh toán thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2 Buộc bị đơn phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho nguyên đơn từ tháng 04/2023 đến hết tháng 11/2023.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả một tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước và tiền lương tám ngày phép năm.

Kiến nghị Phòng Lao động, thương binh và xã hội quận B thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Cổ phần I về việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về lao động, Công đoàn để đảm bảo lợi ích cho người lao động.

Kiến nghị Cơ quan BHXH có thẩm quyền kiểm tra lại quá trình đóng BHXH, BHYT và chế độ, chính sách, pháp luật khác có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động trong Công ty Cổ phần I.

Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí. Bị đơn phải chịu án phí là 1.650.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 19/6/2024, bị đơn Công ty Cổ phần I nộp đơn kháng cáo đề ngày 14/6/2024 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo, bị đơn Công ty Cổ phần I có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đình T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã công bố ý kiến tranh tụng được bị đơn gửi đến Tòa án ngay tại phiên tòa. Bị đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, bởi các lý do: Cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá khách quan, toàn diện nội dung vụ án, chưa áp dụng đúng quy định của pháp luật, ra quyết định gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 1029/2024/LĐST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Vương Thị Tố T trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Cấp sơ thẩm. Nguyên đơn xác định có xin phép nghỉ nhưng không có thỏa thuận với người sử dụng lao động về việc nghỉ làm việc đối với những ngày không có chỉ định của bác sĩ, tại buổi họp trực tuyến trao đổi với Ban giám đốc Công ty, Công ty chấp nhận cho nghỉ với điều kiện nguyên đơn phải cung cấp các giấy tờ của bệnh viện cho Công ty để chứng minh. Do tình trạng sức khỏe, bệnh của nguyên đơn đòi hỏi phải hạn chế đi lại nên nguyên đơn mới phải nghỉ làm. Nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham

gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật lao động, xét thấy: Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định, người lao động tự ý nghỉ việc đối với những ngày không có chỉ định của bác sĩ để hưởng chế độ, không có thỏa thuận với người sử dụng lao động. Việc Công ty I ban hành quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động do người lao động tự ý nghỉ việc 5 ngày liên tục là đúng với quy định tại Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung tuyên đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút yêu cầu tại Cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn khởi kiện về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là tranh chấp về lao động nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và xác định do bị đơn có địa chỉ tại quận B, Thành phố H nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định.

[2] Về các quan hệ lao động bị tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ lao động giữa nguyên đơn bà Vương Thị Tố T và bị đơn Công ty I, xác định: hai bên đã giao kết Hợp đồng lao động số 017/HĐLĐVS-I-2022 ngày 14/11/2022, là loại Hợp đồng lao động xác định thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 25, Điều 27 Bộ luật Lao động 2019 đúng quy định.

[2.2] Về quan hệ tranh chấp: Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động tự ý nghỉ việc 5 ngày liên tục không có lý do chính đáng căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động 2019. Người lao động cho rằng mình có xin phép khi nghỉ do bị bệnh nên cho rằng người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

[2.3] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Bộ luật Lao động 2019 thì người lao động và người sử dụng lao động có nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng lao động đã giao kết. Căn cứ thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng lao động về thời giờ làm việc và điều kiện làm việc thì người lao động làm việc theo “Ca hành chính: 8:00 - 17:00. Nghỉ giữa ca: 12:00 - 13:00 (ngoài ra tùy theo tính chất công việc người lao động phải sắp xếp thời gian làm việc cho phù hợp nhưng vẫn đảm bảo giờ làm việc 48 giờ/tuần)”. Theo thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng lao động thì việc “nghỉ hàng năm (phép năm), nghỉ lễ, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương được thực hiện theo Nội quy lao động của công ty và theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.”

[2.4] Căn cứ Điều 115 Bộ luật Lao động 2019 thì ngoài các trường hợp “quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người lao động có thể thỏa thuận với người sử dụng lao động để nghỉ không hưởng lương”.

[2.5] Căn cứ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Lao động 2019: “Trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động không phải trả lương cho người lao động, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác” và khoản 1 Điều 25 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 về điều kiện hưởng chế độ ốm đau của người lao động là “Bị ốm đau, tai nạn mà không phải là tai nạn lao động phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.”

[2.6] Về thời gian nghỉ việc của người lao động tại Công ty giai đoạn từ ngày 21/02/2023 đến 23/03/2023, căn cứ các chứng cứ do hai bên đương sự và Bệnh viện N cung cấp theo yêu cầu của Tòa án và xác nhận của hai bên đều xác định:

- Ngày 21/02/2023, bà T đã nghỉ làm (01 ngày) có giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH có xác nhận của bác sĩ.

- Từ ngày 22/02/2023 đến ngày 26/02/2023, bà T đã nghỉ làm 04 ngày làm việc liên tục (ngày 26/02/2023 là Chủ nhật không làm việc) (không có giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH có xác nhận của bác sĩ).

- Ngày 27/02/2023, bà T đã nghỉ làm (01 ngày) có giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH có xác nhận của bác sĩ.

- Từ ngày 28/02/2023 đến ngày 07/3/2023, bà T đã nghỉ làm 06 ngày làm việc liên tục (ngày 05/3/2023 là Chủ nhật không làm việc) (không có giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH có xác nhận của bác sĩ).

Theo nội dung Văn bản số 353/BVNT-KHTH ngày 03/4/2024 về việc phản hồi công văn Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh của Bệnh viện N thể hiện: Từ ngày 22/02/2023 đến 07/3/2023 bà Vương Thị Tố T không có điều trị ngoại trú, nội trú ở Bệnh viện N. Ngày 01/3/2023 bà T tham gia cuộc họp online với Công ty, Công ty cũng đã thực hiện việc yêu cầu bà T cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc bà nghỉ làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 28/02/2023 đến 07/3/2023 có lý do chính đáng (do thiên tai, hỏa hoạn, bản thân, thân nhân bị

ốm có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền) nhưng bà T không cung cấp được theo yêu cầu của Công ty.

- Từ ngày 08/3/2023 đến ngày 21/3/2023 (14 ngày), bà T nghỉ làm có giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH có xác nhận của bác sĩ.

- Từ ngày 22/3/2023 đến ngày 23/3/2023 (02 ngày), bà T nghỉ làm có giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH có xác nhận của bác sĩ.

[2.7] Như vậy từ ngày 22/02/2023 đến ngày 26/02/2023 bà T đã nghỉ làm 04 ngày làm việc liên tục và từ ngày 28/02/2023 đến ngày 07/3/2023 bà T đã nghỉ làm 06 ngày làm việc liên tục không có lý do chính đáng, bà T không có đạt được sự thỏa thuận với người sử dụng lao động về việc nghỉ làm việc đối với những ngày không có chỉ định của bệnh viện (cơ sở chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế). Nên đủ cơ sở xác định bà T tự ý nghỉ việc hơn 05 ngày liên tục (trường hợp này là 6 ngày). Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Lao động 2019, Công ty I ban hành Quyết định số 0103/QĐCDHĐLĐ-I-2023 ngày 27/3/2023 chấm dứt Hợp đồng lao động với bà T với lý do bà T tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên là đúng quy định.

[2.8] Cấp sơ thẩm nhận định pháp luật không bắt buộc việc xin nghỉ phải có đơn mà có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức, là không có căn cứ và không đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động. Cấp sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 125 Bộ luật Lao động 2019 với nội dung “trường hợp được coi là có lý do chính đáng bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, bản thân, thân nhân bị ốm có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền và trường hợp khác được quy định trong nội quy lao động” trong trường hợp này và cho rằng trình tự xử lý, căn cứ giải quyết vụ việc của bị đơn không đảm bảo quyền lợi cho người lao động là không đúng quy định. Bởi quy định tại Điều 125 Bộ luật Lao động 2019 được áp dụng khi xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải, khi đó trình tự xử lý kỷ luật lao động mới yêu cầu có sự tham gia của tổ chức công đoàn.

[2.9] Cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm và cần lưu ý khi xét xử:

- Trong trường hợp chấp nhận yêu cầu của người lao động về truy nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, cần tuyên người lao động và người sử dụng lao động có trách nhiệm truy nộp BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

- Cấp sơ thẩm vừa tuyên “chấp nhận toàn bộ” yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vừa đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn là dùng từ chưa chính xác. Trường hợp này, ghi đúng là “chấp nhận một phần”.

[3] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm về việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút yêu cầu.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xác định lại án phí. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn được miễn án phí lao động sơ thẩm, bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[5] Về án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí lao động phúc thẩm do sửa án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần I, sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 1029/2024/LĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 25, Điều 27, điểm e khoản 1 Điều 36, Điều 115, khoản 4 Điều 125, khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Lao động 2019;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị Tố T về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần I phải trả một tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước và tiền lương tám ngày phép năm.

2. Không chấp nhận một phần các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Vương Thị Tố T gồm:

- Buộc Công ty Cổ phần I phải thanh toán cho bà Vương Thị Tố T tiền lương 08 tháng còn lại của Hợp đồng lao động cộng với khoản tiền bằng 02 tháng tiền lương theo mức lương 5.500.000 đồng/tháng với số tiền là 55.000.000 đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần I truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Vương Thị Tố T từ tháng 04/2023 đến hết tháng 11/2023.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Vương Thị Tố T không phải chịu án phí sơ thẩm do được miễn án phí, Công ty Cổ phần I không phải chịu án phí.

4. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty Cổ phần I không phải chịu án phí lao động phúc thẩm. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần I số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028645 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài